TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 08/09/2021
Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và bà Trần Thị Lệ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 09 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 78/2021/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 05 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 08 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/ QĐST – HNGĐ ngày 19 tháng 08 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L – sinh năm 1991; vắng mặt.

Nơi ĐKHKTT: Xóm 8, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Hiện tạm trú tại: Xóm Đ, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn H – sinh năm 1986; vắng mặt.

Nơi ĐKHKTT và trú tại: Xóm 8, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Phạm Văn H đã tự nguyện kết hôn với nhau, đăng kí kết hôn vào ngày 04 tháng 11 năm 2010 tại UBND xã V huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng gia đình anh H, quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh H thường xuyên rượu chè, say xỉn, không tu chí làm ăn. Những lần uống rượu về anh thường xuyên đánh đập, chửi bới, xúc phạm chị, nhiều lần như vậy chị đã khuyên nhủ, động viên anh H bỏ uống rượu chè, tu chí làm ăn để vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng anh H vẫn không thay đổi, do không chịu được cuộc sống chung của vợ chồng nên cuối năm 2016, chị đã bế

con về nhà bố mẹ đẻ của chị để ở đồng thời vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Không liên lạc và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không có khả năng về đoàn tụ nên chị L có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Phạm Văn H để ổn định cuộc sống

Về con chung: Chị và anh Phạm Văn H có một con chung cháu Phạm Thị Kim A, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2012. Hiện nay cháu Kim A đang do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị L đề nghị Tòa án giao cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Kim A. Chị không yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Kim A.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh H tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, còn công nợ chung không có. Nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Phạm Văn H hiện đang cư trú tại nhà bố mẹ đẻ anh H là ông Phạm Văn Q ở xóm 8, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Phạm Văn H và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tống đạt các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh H thông qua bố đẻ anh H là ông Phạm Văn Q. Ông Q cho biết bản thân anh H cũng đã biết việc chị L khởi kiện xin ly hôn với anh, bản thân gia đình ông là theo công giáo nên không muốn chị L và anh H ly hôn, gia đình đã khuyên bảo động viên anh chị chiều lần nhưng không có kết quả. Nay gia đình cũng mong muốn Tòa án tạo điều kiện hòa giải để vợ chồng anh H, chị L về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung. Tuy nhiên anh H vẫn không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có bản ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

Bản tự khai của cháu Phạm Thị Kim A trình bày nguyện vọng của cháu muốn ở với mẹ là chị Nguyễn Thị L để ổn định việc học tập của cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tạ i phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự . Bị đơn chưa chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết v ụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Phạm Văn H
- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Kim A, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2012 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến

khi cháu Kim A trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Phạm Văn H không phải cấp dưỡng đối với con chung và anh H có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị L nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Phạm Văn H có nơi cư trú tại: Xóm 8, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Phạm Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn H có đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 11 năm 2010 tại UBND xã V huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về sinh sống tại xóm 8, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình Quá trình vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh H rượu chè, say xỉn, chơi bời và không tu chí làm ăn. Thực tế anh chị chung sống với nhau thời gian ngắn sau đó đã mâu thuẫn và có thời gian sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay và cũng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh H không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh H vẫn vắng mặt không rõ lý do. Điều này thể hiện anh H bỏ mặc, không thiện trí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, hôn nhân của anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T thể hiện: Chị L và anh H có quan hệ hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh Huy là ông Phạm Văn Q tại xóm 8 xã T và được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh H rượu chè, say xỉn, chơi bời và không tu chí làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn xảy ra chị L đã bế con về nhà bố mẹ đẻ của chị L ở xã V sinh sống. Từ đầu năm 2017 cho đến nay anh chị sống ly thân, chị L không còn sinh sống cùng gia đình anh H ở xã T nữa. Nay chị L xin ly hôn Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh H đã phát sinh mà không có biện pháp nào để khắc phục, anh chị đã có thời

gian sống ly thân nhau 5 năm nay. Quá trình làm việc tại Tòa án là cơ hội để cho anh chị có thể về đoàn tụ thì anh H lại không có mặt, thể hiện thái độ bỏ mặc, không thiện chí trong việc cùng nhau giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, dẫn đến việc Tòa án không thể tiến hành các thủ tục hòa giải để anh chị về đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị L và anh H có một con chung cháu Phạm Thị Kim A sinh ngày 18 tháng 08 năm 2012. Thời gian vợ chồng sống ly thân cháu A do chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị L có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc cháu Kim A và không yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu A. Về phía anh H không có ý kiến gì về việc giải quyết và các vấn đề trong vụ án, cũng như không có ý kiến gì về việc giao con sau khi ly hôn. Nguyện vọng của cháu Kim A muốn được ở với mẹ. Nay để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống và sinh hoạt, môi trường học tập và tâm lý của cháu nên giao cháu Phạm Thị Kim A cho chị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Do chị L không yêu cầu nên anh Phạm Văn H không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Kim A. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Kim A sinh ngày 18 tháng 08 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu Kim A trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Anh Phạm Văn H không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Kim A, anh H có quyền đi lại thăm nom con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002579 ngày 04 tháng 05 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã V.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Trần Thị Khanh